

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/02/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+P1+P2	7:25	15+5+0	0+0+0		13+0+9	0+0+0	
2		P5+TD2+BK5	9:25	5+2+9	0+0+0		0+13+9	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD2 - P1 - P2	CREW: Vận - NPhú - Năm	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ANDRIUSHENKO O.A	TD2	53	1	4		128	KHOAN	Russian
2	LÊ ĐỨC THO	TD2	55	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN PHONG*TT	TD2				110	67	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN CÔNG HIỂN	TD2	60	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	ĐỖ NGỌC QUANG	TD2	54	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ VĂN XUÂN	TD2	59	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY KIẾN	TD2	58	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
8	ĐÌNH NGỌC GIANG	TD2	56	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	DƯƠNG HAI BĂNG	TD2	52	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN HUNG	TD2	57	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN BÌNH	TD2	50	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN NAM THẮNG*MC-PVD	TD2	61	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ HUNG CUÔNG	TD2	51	1	3		100	KHOAN	Vietnamese
14	NG MẠNH CUÔNG*CAM-PVDT	TD2	49	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT TRUNG	TD2	48	1	12		80	KHOAN	Vietnamese
16	ĐỖ VIỆT LONG	P1	88	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	P1	90-91	2	17		90	CODIEN	Vietnamese
18	TÔNG VĂN ĐỨC	P1	85	1	10	15	75	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐỖ MẠNH HUNG	P1	86	1	7		60	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN MẠNH DUNG	P1	87	1	5		66	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	15	14	77	1.143	110	13		
2	P1	5	6	49	356	15	0		
3	P2	0	0	0	0	20	9		
TOTAL		20	20	126	1.499	145	22		
WEIGHT KG				126	1.499	145			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	TO: P5 - TD2 - BK5	CREW: Vận - NPhú - Năm	ETA: 11:40
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC SƠN	P5	60	1	11	12	80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC KHÔI	P5	61	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	N. KHÁC THANH CHUNG	P5	62	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ THAI THANH	P5	63	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN HỮU SƠN	P5	59	1	11		57	XAYLAP	Vietnamese
6	YANCHENKO	TD2	70	1	10	45	79	ANTOAN	Russian
7	HOANG VAN LINH	TD2	68-69	2	20		60	YTE	Vietnamese
8	TRẦN NGỌC THỂ	BK5	68-69	2	15	35	61	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH KIẾT	BK5	70	1	17		68	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI UY HUNG	BK5	60	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ HỒNG DŨNG	BK5	57	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ TRỌNG HÒE	BK5	58-59	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN BỒ	BK5	61-62	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH HÀ	BK5	63-64	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐOÀN NGỌC ĐỊNH	BK5	65-66	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
16	HÀ ĐỨC TUNG	BK5	67	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	5	5	50	354	12	0		
2	TD2	2	3	30	139	45	13		
3	BK5	9	14	135	607	35	9		
TOTAL		16	22	215	1.100	92	22		
WEIGHT KG				215	1.100	92			

GRAND TOAL: 1.407 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/02/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+P10+TD2	7:25	21+0+0	0+0+0		20+1+1	0+0+0	
2		TD5+GT1+RC3	7:25	19+0+0	0+0+0		16+5+1	0+0+0	
3		VSP02+JS2	9:25	2+19	0+0		2+20	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:32
FLIGHT: 1	TO: TD3 - P10 - TD2	CREW: Khang - Duong - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN TUÂN *TT	TD3					74	KHOAN	Vietnamese
2	SOROKA ANATOLY	TD3	77	1	6		115	KHOAN	Russian
3	TRẦN VĂN MINH	TD3	80	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN CÔNG AN	TD3	76	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TUÂN	TD3	61	1	7	12	67	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM VĂN BIÊN	TD3	78	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	TD3	69	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN CÔNG MINH	TD3	74-75	2	16		75	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN CẢNH THẠC	TD3	64	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU NHÂN	TD3	70	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG VIỆT	TD3	57	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
12	NG VĂN ANH*MC-PVDT	TD3	72	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG VĂN KHUONG	TD3					90	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM MINH TRỌNG-PVDT	TD3	71	1	8		69	KHOAN	Vietnamese
15	ĐÀO LÊ XUÂN SƠN	TD3	58	1	9		74	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM VĂN TRI	TD3	73	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
17	ĐOÀN VĂN KHUU	TD3	63	1	10		61	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN ĐÔNG HÙNG	TD3	62	1	12		80	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN MINH	TD3	68	1	17		81	T-TIN	Vietnamese
20	NGUYỄN SỸ HƯA	TD3	65-67	3	16		58	T-TIN	Vietnamese
21	LÊ XUÂN QUÝ	TD3	59-60	2	7		75	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	21	23	156	1.536	12	20		
2	P10	0	0	0	0	44	1		
3	TD2	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	23	156	1.536	56	22		
WEIGHT KG				156	1.536	56			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: TD5 - GTC1 - RC3	CREW: Phong - N.Anh - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN CHIẾN	TD5	75	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN BẠCH TUNG	TD5	69	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VIÊN*TT	TD5	61	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
4	TU DƯƠNG DUNG	TD5	64	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
5	CAO ĐỨC HAI	TD5	62	1	5	80	85	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN CAO HOANG	TD5	57	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM XUAN HAI	TD5	60	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM XUAN THUY	TD5	63	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5	56	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU HOÀN	TD5	77	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD5	76	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN PHÁT-PVDT	TD5	59	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
13	THAI VIỆT ĐỊNH	TD5	66-67	2	14		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC THẠCH	TD5	68	1	3		70	D-HANH	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD5	70	1	8		60	DVL	Vietnamese
16	DƯƠNG TRUNG KIẾN	TD5	65	1	9		60	DVL	Vietnamese
17	TRẦN HỒNG PHÚC	TD5	58	1	8		80	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

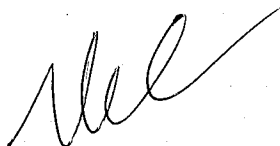
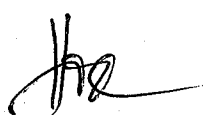
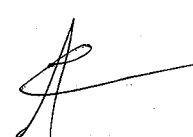
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	17	18	102	1.237	80	15		
2	GTC1	0	0	0	0	40	5		
3	RC3	0	0	0	0	20	1		
TOTAL		17	18	102	1.237	140	21		
WEIGHT KG				102	1.237	140			

GRAND TOAL: 1.479 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	TO: VSP02 - JS2	CREW: Khang - Duong - NNam	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUỐC LƯỢNG	VSP02	78-79	2	16	50	81	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN HUY THÂN	VSP02	80	1	8		69	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN THAI HOP	JS2	64-65	2	11	100	59	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN KHUE	JS2	23	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM MINH NGOC	JS2	41	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
6	TA NGOC HA	JS2	61	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
7	DUONG QUOC VINH	JS2	10	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
8	DANG VAN THUC	JS2	20	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN CANH	JS2	15	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
10	BUI ANH DUC	JS2	13	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
11	BUI CAO HUY	JS2	56	1	3		59	KHOAN	Vietnamese
12	DO VAN HUNG	JS2	28	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
13	LE DINH DAN	JS2	08	1	8		62	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN UT	JS2	09	1	5		89	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN VAN THANG	JS2	37	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
16	PHAN XUAN PHU	JS2	12	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN DINH HAO	JS2	07	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
18	MAI DAI HAI	JS2	14	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN CONG TAM	JS2	11	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
20	NGO VIET PHUONG	JS2	21-22	2	8		91	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

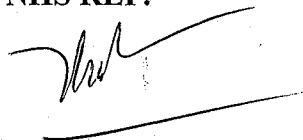
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	2	3	24	150	50	2		
2	JS2	18	20	122	1.217	100	20		
TOTAL		20	23	146	1.367	150	22		
WEIGHT KG				146	1.367	150			

GRAND TOAL: 1.663 KGS

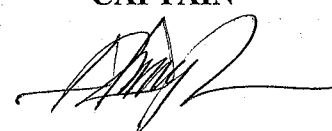
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/02/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+P9+P11	7:25	22+0+0	0+0+0		17+3+1	0+0+0	
2		P4+P7+AMD	7:25	22+0+0	0+0+0		13+1+8	0+0+0	
3		RP3+JS2+PPD	7:25	14+0+8	0+0+0		7+4+11	0+0+0	
4		P2+TD1+P4	9:25	10+8+4	0+0+0		7+2+13	0+0+0	CHUYỂN 1 P2-P4
5		TD3+CLO+RP3	9:25	12+8+2	0+0+0		2+3+16	0+0+0	
6		CNV+CTK3+BK9	11:25	2+16+0	0+0+0		0+20+1	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: PPD - P9 - P11	CREW: Hôi - Dương - Năm	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM TAI	PPD	72-73	2	11	40	72	KHI	Vietnamese
2	KHARITONOV	PPD	85-87	3	17		76	KHI	Russian
3	BERNHIKOV V.N	PPD	68	1	6		110	KHI	Russian
4	HOANG MINH HIEU	PPD	92	1	4		69	KHI	Vietnamese
5	ĐO CHUNG KIEN	PPD	96	1	5		62	KHI	Vietnamese
6	ĐO MINH QUAN	PPD	90	1	4		92	KHI	Vietnamese
7	VU THANH BINH	PPD	67	1	5		80	KHI	Vietnamese
8	DOAN VIET DIEP	PPD	93-94	2	5		60	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TA	PPD	88	1	5		75	KHI	Vietnamese
10	PHAM THANH BINH	PPD	65	1	6		85	KHI	Vietnamese
11	PHAM HAI QUANG	PPD	91	1	4		75	KHI	Vietnamese
12	TRAN LE RANG	PPD	71	1	5		86	KHI	Vietnamese
13	TRAN VAN NAM	PPD	83	1	5		72	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN CONG HIEN	PPD	78	1	4		56	KHI	Vietnamese
15	ĐO VAN THANH	PPD	74	1	6		82	KHI	Vietnamese
16	PHUNG VAN CHINH	PPD	79	1	5		80	KHI	Vietnamese
17	BUI THANH	PPD	84	1	5		65	KHI	Vietnamese
18	TRINH CONG BINH	PPD	69-70	2	10		62	KHI	Vietnamese
19	TRAN VAN THANH	PPD	89	1	4		55	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN ANH TAI	PPD	95	1	5		75	KHI	Vietnamese
21	PHAM BA SINH	PPD	75-77	3	13		69	KHI	Vietnamese
22	ĐO TIEN THANH	PPD	80-82	3	15		62	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	31	149	1.620	40	17		
2	P9	0	0	0	0	12	3		
3	P11	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	31	149	1.620	52	21		
WEIGHT KG				149	1.620	52			

GRAND TOAL: 1.821 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P4 - P7 - AMD	CREW: Văn - N.Anh - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN HỒNG TÂM	P4	12-13	2	11	30	60	KHI	Vietnamese
2	KOLECHNIK A	P4	05	1	5		105	KHI	Russian
3	TRƯỜNG THANH GIAP	P4	06-07	2	8		77	KHI	Vietnamese
4	PHẠM TRAI	P4	08-09	2	8		72	KHI	Vietnamese
5	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	04	1	3		80	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	10	1	5		70	KHI	Vietnamese
7	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P4	11	1	5		78	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH CANG	P4	30	1	5		72	KHI	Vietnamese
9	PHẠM MỘNG THANH	P4	29	1	7	23	70	KHI	Vietnamese
10	TRƯỜNG VĂN ĐỨC	P4	03	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
11	BIỆN XUÂN THẮNG	P4	16-17	2	25		62	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TRẦN VINH	P4	31	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
13	NGÔ HỒNG THANH	P4	20-21	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
14	LƯƠNG VĂN LÊN	P4	14-15	2	13		73	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ ĐÌNH TÂM	P4	23	1	5	48	75	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAN NGỌC TUÂN ANH	P4	27	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ VĂN QUANG	P4	24	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese
18	TRƯỜNG ĐỨC MẠNH	P4	25-26	2	15		76	XAYLAP	Vietnamese
19	NGÔ ĐÌNH NHẬT MINH	P4	28	1	10		76	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM VĂN THUỘC	P4	22	1	8		56	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC DANH	P4	01-02	2	13		62	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐÌNH VĂN THIÊN	P4	18-19	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	31	217	1,573	101	13		
2	P7	0	0	0	0	0	1		
3	AMD	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	31	217	1,573	101	22		
WEIGHT KG				217	1,573	101			

GRAND TOAL: 1.891 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: RP3 - JS2 - PPD	CREW: Phong - NPhú - Toan	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VALEEV IREK D.	RP3	83	1	4		80	KH-THAC	Russian
2	TRẦN KÝ TUÂN	RP3	82	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VĂN HUNG	RP3				30	70	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	12	1	2		59	KHI	Vietnamese
5	LÂM TIẾN PHI	RP3	14	1	9		75	KHI	Vietnamese
6	TRẦN VĂN SEN	RP3	07	1	4		74	KHI	Vietnamese
7	PHẠM TRUNG DŨNG	RP3	08-09	2	12		77	KHI	Vietnamese
8	HỒ VĂN LUƠNG	RP3	10	1	2	23	69	KHI	Vietnamese
9	ĐẶNG HUY KHÁNH	RP3	13	1	3		77	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC BẢO BÌNH	RP3	86	1	2		61	KHI	Vietnamese
11	PHẠM VĂN LẬP	RP3					59	KHI	Vietnamese
12	TÀ PHI KHÁNH	RP3					70	KHI	Vietnamese
13	LAI VĂN MINH	RP3	85	1	4		67	KHI	Vietnamese
14	BUI ĐỨC THUẬN	RP3	84	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	HUYNH BÁ NINH	PPD	28	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ VĂN TIẾN	PPD	29-30	2	10		67	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN SA	PPD	31	1	5		67	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC LINH	PPD	32	1	2		69	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN NAM	PPD					74	PSV	Vietnamese
20	HOÀNG VĂN DOANH	PPD	35	1	3		65	PSV	Vietnamese
21	TÀ QUANG PHÚC	PPD	34	1	3		107	PSV	Vietnamese
22	HOÀNG XUÂN ĐÔNG	PPD	33	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	14	12	52	983	53	7		
2	JS2	0	0	0	0	40	4		
3	PPD	8	8	38	577	0	11		
TOTAL		22	20	90	1.560	93	22		
WEIGHT KG				90	1.560	93			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	TO: P2 - TD1 - P4	CREW: Hồi - Dương - Năm	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HÙNG CUÔNG	P2					74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH THẮNG	P2	33	1	11		63	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN THAI BÌNH	P2	31-32	2	8	30	67	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐẶNG THẮNG LONG	P2	38	1	11	35	74	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	P2	35	1	4		80	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN THẾ ANH	P2	34	1	11		80	XAYLAP	Vietnamese
7	VUÔNG MAI	P2	37	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ ANH CUÔNG	P2	36	1	8		74	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ TIẾN LỢI	P2	29	1	3		69	PSV	Vietnamese
10	PHẠM VĂN HIẾP	P2	30	1	5		79	PSV	Vietnamese
11	DOBROVOLSKYI	TD1	08	1	19		87	DVL	Russian
12	TRẦN VĂN MẠNH	TD1	03	1	10	40	66	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN SỸ TUẤN	TD1	06	1	12		71	DVL	Vietnamese
14	ĐÀO VĂN YẾN	TD1	09	1	8		63	DVL	Vietnamese
15	HUỲNH VŨ TÍNH	TD1	02	1	8		68	DVL	Vietnamese
16	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	TD1	04-05	2	15		73	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU VIỆT	TD1	01	1	5		58	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC HÙNG.	TD1	07	1	8		80	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	P4	43	1	5		70	KHI	Vietnamese
20	TẠ XUÂN HIỆU	P4	46	1	3	20	65	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TÀI	P4	45	1	4		70	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN HOÀNG TRƯỞNG	P4	44	1	3		75	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	10	10	71	715	65	74	1	CHUYỂN 1 PAX P2 SANG P4
2	TD1	8	9	85	566	40	2		
3	P4	4	4	15	280	20	13		
TOTAL		22	23	171	1.561	125	22		
WEIGHT KG				171	1.561	125			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	TO: TD3 - CLO - RP3	CREW: Văn - N.Anh - Huy	ETA: 11:25
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHÍ HỒNG MẠNH	TD3	99	1	4		70	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN DÂN	TD3	92	1	14	44	80	CODIEN	Vietnamese
3	ĐỖ ANH TUẤN	TD3	93	1	9		68	CODIEN	Vietnamese
4	PHAN QUÝ DŨNG	TD3	83	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN HỒNG YẾN	TD3	86	1	12		69	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC HÀ	TD3	98	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN VĂN ĐƯƠNG	TD3	81	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ TRI HẢI	TD3	84	1	11	9	60	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAN ĐĂNG HUÂN	TD3	88	1	6	15	77	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM TIẾN ĐĂNG	TD3	90-91	2	16		50	XAYLAP	Vietnamese
11	VŨ XUÂN CHÍNH	TD3	82	1	15		62	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI HỒNG SANG	TD3	87	1	10	17	91	XAYLAP	Vietnamese
13	HÀ KHUÔNG DUY	CLO	01-02	2	16		60	KHOAN	Vietnamese
14	LƯU ĐÌNH MINH	CLO	92	1	18		64	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	CLO	03	1	9		82	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	CLO	99	1	10		80	DVL	Vietnamese
17	TÔNG TIẾN QUANG	CLO	98	1	17		75	DVL	Vietnamese
18	PHẠM QUANG TRUNG	CLO	97	1	11		80	DVL	Vietnamese
19	LƯƠNG MẠNH HẢI	CLO	93	1	15		72	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	CLO	96	1	7		62	DVL	Vietnamese
21	DO VĂN HÙNG	RP3	17	1	6		59	NIPI	Vietnamese
22	PHẠM NGỌC SƠN	RP3	18	1	9	24	62	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	12	13	129	819	85	2		
2	CLO	8	9	103	575	0	3		
3	RP3	2	2	15	121	24	16		
TOTAL		22	24	247	1.515	109	21		
WEIGHT KG				247	1.515	109			

GRAND TOAL: 1.871 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 6	TO: CNV - CTK3 - BK9	CREW: HỒI - XHOÀN - Năm	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐƯƠNG	CNV	83	1	10	30	66	CODIEN	Vietnamese
2	ĐẶNG TRỌNG DUNG	CNV	82	1	6	8	65	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN ĐẠI	CTK3	90	1	5	15	74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN KHÁC QUỐC	CTK3	95	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN BẦU	CTK3	96	1	4		61	ANTOAN	Vietnamese
6	ĐỖ TRỌNG LƯỢNG	CTK3	84	1	18		60	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN HOA	CTK3	86	1	10		75	YTE	Vietnamese
8	PHẠM VĂN TỰ	CTK3	94	1	6		60	PSV	Vietnamese
9	LÊ ĐAM	CTK3	91	1	5		65	PSV	Vietnamese
10	LÊ CÔNG VĂN	CTK3	97	1	4		68	PSV	Vietnamese
11	LÊ QUANG HÀ	CTK3	87	1	5		71	PSV	Vietnamese
12	PHẠM ĐỨC CẢNH	CTK3	92	1	3		51	PSV	Vietnamese
13	TRẦN VĂN HỮU	CTK3	98	1	6		65	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH TIẾN	CTK3	81-82	2	15		54	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐĂNG TÙNG	CTK3	85	1	6		68	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG THANH	CTK3	88	1	4		71	PSV	Vietnamese
17	VŨ NGỌC NAM	CTK3	89	1	8		78	PSV	Vietnamese
18	ĐỖ KHÁC ĐA	CTK3	83	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	2	2	16	131	38	0		
2	CTK3	16	17	112	1.053	15	20		
3	BK9	0	0	0	0	40	1		
TOTAL		18	19	128	1.184	93	21		
WEIGHT KG				128	1.184	93			

GRAND TOTAL: 1.405 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN